UBND QUẬN LONG BIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VCGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /TB-HĐTD

Long Biên, ngày 07 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Triệu tập thí sinh dự thi vòng 1 - Kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quận Long Biên năm 2024

Căn cứ Quyết định số 3353/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND quận Long Biên về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2024; Thông báo số 368/TB-UBND ngày 19/8/2024 của UBND quận Long Biên về việc tuyển dụng viên chức giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Chủ tịch UBND quận Long Biên về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2024; Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của Chủ tịch UBND quận Long Biên về việc phê duyệt bổ sung danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 13/TB-HĐTD ngày 03/10/2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên thông báo danh sách thí sinh không nộp lệ phí dự tuyển kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2024 và kết quả tiếp nhận phản ánh của các thí sinh,

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN LONG BIÊN

Triệu tập thí sinh: *(Có danh sách kèm theo)*

Tới tham dự Vòng 1 (Thi trắc nghiệm) - Kỳ tuyển dụng viên chức giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2024.

Thời gian: Ngày 15/10/2024, 16/10/2024 (Thứ 3, 4)

Ca 1: 08h00' gọi thí sinh vào phòng thi, 08h30' bắt đầu thi

Ca 2: 13h30' gọi thí sinh vào phòng thi, 14h00' bắt đầu thi

Địa điểm: Trung tâm Chuyển đổi số và Đào tạo thông tin truyền thông

(Số 1, phố Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội)

** Lưu ý:* Thí sinh đến trước giờ gọi vào phòng thi 15 phút; tập trung trước cửa phòng thi theo hướng dẫn để kiểm tra giấy tờ tuỳ thân và thực hiện các thủ tục liên quan trước khi vào phòng thi./.

Nơi nhận:
- Hội đồng tuyển dụng;
- Các thí sinh dự thi;
- Lưu: HĐTD. (05)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Nguyễn Mạnh Hà

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1 - KHỐI TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 15/TB-HĐTD ngày 07/10/2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Long Biên)

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
1	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0001	Nguyễn Thái	Hà	07/12/1993	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	1	Đoàn Kết		MNN
2	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0002	Triệu Thị	Nga	02/02/1984	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Ngữ văn	GV	Anh	1	Đoàn Kết	DTTS	MNN
3	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0003	Bùi Thu	Hà	16/02/2000	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
4	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0004	Ngô Thị Ngọc	Huyền	21/3/1995	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
5	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0005	Đỗ Hà	My	09/6/1999	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
6	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0006	Trần Minh	Trang	07/6/1999	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên tiểu học Tiếng Anh	GV	Anh	1	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
7	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0007	Nguyễn Thanh	Hường	06/11/1996	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho Giáo viên tiếng anh cấp tiểu học	GV	Anh	1	Thanh Am		MNN
8	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0008	Nguyễn Phương	Anh	29/06/1999	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Bồ Đề		Anh
9	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0009	Đặng Thùy	Dương	18/06/2002	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Bồ Đề		MNN
10	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0010	Trịnh Thị Thu	Hường	10/12/1991	Nữ	Điện Biên, Ba Đình	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học; Ngôn ngữ Anh	GV	CB	1	Bồ Đề		MNN
11	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0011	Nguyễn Thị Hồng	Minh	24/09/1999	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Bồ Đề		MNN
12	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0012	Nguyễn Thạch	Thảo	11/12/2001	Nữ		ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Bồ Đề		Anh
13	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0013	Võ Thị	Thương	27/04/1993	Nữ	Thái Bình	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Bồ Đề		Anh
14	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0014	Phạm Hà	Trang	15/3/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Bồ Đề		Anh
15	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0015	Hồ Thúy	Hoa	11/10/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Kết		Anh
16	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0016	Đào Thanh	Nhàn	03/09/1994	Nữ	Phường Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Kết		Anh
17	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0017	Hoàng Ngọc	Trâm	11/06/2000	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Kết		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
18	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0018	Bùi Thị Thanh	Xuân	20/12/2002	Nữ	Hải Phòng	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Đoàn Kết		MNN
19	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0019	Đào Hà Ánh	Dương	23/12/2001	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Khuê		Anh
20	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0020	Nguyễn Thị Thu	Hằng	26/12/2002	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Khuê		Anh
21	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0021	Nguyễn Ngọc	Minh	18/08/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Khuê		Anh
22	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0022	Nguyễn Lâm	Uyên	24/12/2000	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Khuê		Anh
23	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0023	Vũ Thị	Vân	15/9/1996	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Đoàn Khuê		Anh
24	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0024	Đỗ Ngọc	Anh	02/12/2000	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
25	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0025	Nguyễn Thị Tường	Anh	21/3/2002	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
26	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0026	Hoàng Ngọc	Ánh	03/09/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
27	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0027	Trần Thị Ngọc	Ánh	14/03/1999	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
28	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0028	Đỗ Linh	Chi	18/02/1999	Nữ		ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
29	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0029	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	07/12/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
30	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0030	Phạm Hương	Giang	30/4/1999	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
31	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0031	Nguyễn Huệ	Giang	26/8/1998	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
32	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0032	Lê Thị Thanh	Hà	05/9/1998	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
33	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0033	Phạm Thị Ngọc	Hà	11/11/2001	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
34	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0034	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	28/12/1999	Nữ	TT Đông Anh, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
35	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0035	Ngô Thị Minh	Hằng	09/7/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
36	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0036	Phạm Thúy	Hằng	18/05/2001	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
37	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0037	Nguyễn Thu	Hiền	25/4/2002	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
38	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0038	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	17/12/1995	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
39	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0039	Trương Nguyên	Hồng	14/05/2001	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
40	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0040	Nguyễn Khánh	Huyền	30/6/1998	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
41	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0041	Đặng Khánh	Huyền	24/5/1999	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
42	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0042	Lê Diệu	Hương	08/08/2002	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
43	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0043	Nguyễn Thị Lan	Hương	17/7/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
44	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0044	Nguyễn Thị	Hường	18/10/1989	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
45	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0045	Nguyễn Thu	Hường	07/3/1997	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
46	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0046	Hoàng Thị	Hướng	22/11/1998	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
47	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0047	Nguyễn Đình	Kiên	21/10/1995	Nam	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
48	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0048	Phạm Ngọc	Lan	26/6/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
49	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0049	Nguyễn Phương	Linh	05/09/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
50	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0050	Phạm Hà	Linh	28/10/1998	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
51	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0051	Nguyễn Thùy	Linh	01/04/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
52	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0052	Nguyễn Thị	Loan	28/12/1987	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
53	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0053	Nguyễn Khánh	Ly	14/12/1998	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
54	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0054	Nguyễn Thúy	Mừng	13/02/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
55	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0055	Phạm Thị Hoạ	My	24/8/1998	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
56	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0056	Lương Quỳnh	Nga	01/11/2001	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
57	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0057	Nguyễn Thuý	Nga	28/01/1994	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
58	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0058	Đồng Thị	Ngọc	13/10/1999	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
59	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0059	Trương Hoàng Ngọc	Oanh	10/11/1997	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
60	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0060	Nguyễn Mai	Phương	17/3/1996	Nữ	Đức Giang	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
61	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0061	Trần Hà	Phương	08/10/2002	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
62	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0062	Nguyễn Thảo	Phương	31/07/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
63	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0063	Trịnh Huyền	Phương	28/08/2002	Nữ	Phú La, Hà Đông	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
64	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0064	Lê Thanh	Quỳnh	30/11/2001	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
65	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0065	Nguyễn Thị	Quỳnh	07/02/1998	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
66	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0066	Hoàng Thị Kim	Tuyến	14/6/1995	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
67	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0067	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	17/8/2002	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Gia Quất		MNN
68	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0068	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/09/1996	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
69	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0069	Đinh Thị Phương	Thảo	08/04/1997	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
70	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0070	Đào Thị Thu	Thảo	19/07/1999	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
71	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0071	Bùi Thị Minh	Thuý	20/02/2001	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
72	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0072	Nguyễn Thị	Trang	17/4/2000	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
73	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0073	Hoàng Thị	Trang	24/10/1992	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất	CTB	Anh
74	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0074	Dương Thị	Trang	15/4/1987	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
75	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0075	Nguyễn Thu	Trang	22/05/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
76	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0076	Hoàng Thu	Trang	24/05/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
77	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0077	Hoàng Thu	Trang	31/7/1992	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
78	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0078	Nguyễn Hải	Yến	03/3/1996	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Gia Quất		Anh
79	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0079	Thạch Ngọc Thùy	An	22/05/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
80	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0080	Dương Thị Tú	Anh	14/02/1998	Nữ	Vân Hà, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
81	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0081	Vũ Thị Vân	Anh	05/09/1988	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
82	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0082	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	31/3/1997	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
83	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0083	Nguyễn Thị	Huế	22/8/1993	Nữ	Thanh Oai, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
84	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0084	Hoàng Thị Thu	Huyền	11/02/1996	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	LTVH VL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên	CTB	Anh
85	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0085	Lê Thị	Hường	11/01/2002	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
86	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0086	Nguyễn Thuỳ	Linh	24/10/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
87	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0087	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/06/1999	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
88	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0088	Trương Thị	Nhung	16/09/1999	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
89	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0089	Đặng Tuyết	Nhung	29/3/2001	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
90	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0090	Nguyễn Thị Linh	Phương	16/5/2000	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
91	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0091	Nguyễn Thị Hoài	Phương	23/06/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
92	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0092	Lê Phương	Thảo	17/12/1997	Nữ	P.Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
93	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0093	Nguyễn Phương	Thúy	21/04/1995	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
94	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0094	Phạm Thuỷ	Trang	29/01/1994	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Giang Biên		Anh
95	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0095	Nguyễn Thuỳ	Dung	04/01/1998	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Hy Vọng		Anh
96	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0096	Đỗ Thị	Hạnh	14/04/1993	Nữ	Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Hy Vọng		Anh
97	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0097	Ngô Thị Thu	Huyền	10/3/2000	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Hy Vọng		Anh
98	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0098	Hoàng Thanh	Hương	17/7/1993	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Hy vọng		Anh
99	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0099	Vũ Thị	Mai	23/5/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Hy Vọng		Anh
100	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0100	Vũ Thị	Nga	29/06/1979	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Hy vọng		Anh
101	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0101	Phạm Thị Thu	Phương	19/11/1994	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Hy Vọng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
102	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0102	Bùi Thu	Thủy	07/06/1987	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Hy Vọng		Anh
103	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0103	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/8/2001	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lê Quý Đôn		Anh
104	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0104	Trần Thị Thuý	Liễu	16/10/1994	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lê Quý Đôn		Anh
105	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0105	Kiều Diệu	Linh	21/05/2002	Nữ	Thanh Am, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lê Quý Đôn		Anh
106	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0106	Vũ Hương	Ly	09/3/1999	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học; Ngôn ngữ Anh	GV	CB	1	Lê Quý Đôn		MNN
107	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0107	Lê Hoài	Phương	12/9/1997	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	LT	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lê Quý Đôn		Anh
108	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0108	Bùi Minh	Trang	10/9/1996	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy	ĐH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Lê Quý Đôn		Anh
109	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0109	Nguyễn Thuỳ	Anh	07/9/1995	Nữ	Đức Hoà, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
110	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0110	Hoàng Thị Hương	Lan	27/3/1999	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		MNN
111	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0111	Nguyễn Việt	Linh	22/9/2000	Nữ	Trân Quỳ, Gia Lâm	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
112	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0112	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	03/9/1994	Nữ	Tân Phú, Quốc Oai	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
113	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0113	Nguyễn Thị	Quỳnh	30/05/2002	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
114	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0114	Hoàng Phương	Thảo	03/3/2000	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
115	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0115	Hoàng Thu	Thảo	27/5/2001	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
116	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0116	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/11/1990	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
117	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0117	Trịnh Thị Trang	Thơ	06/8/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
118	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0118	Phạm Huyền	Trang	02/6/1998	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
119	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0119	Tăng Thị	Yến	07/05/1993	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Long Biên		Anh
120	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0120	Nguyễn Thị Kim	Dung	11/02/2001	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lý Thường Kiệt		Anh
121	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0121	Nguyễn Thuỳ	Dung	17/3/1999	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lý Thường Kiệt		Anh
122	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0122	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11/6/1998	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lý Thường Kiệt		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
123	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0123	Phạm Thuý	Hiền	20/10/1998	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lý Thường Kiệt		Anh
124	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0124	Nguyễn Thị	Trang	23/8/2002	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Lý Thường Kiệt		Anh
125	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0125	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/9/1997	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
126	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0126	Đỗ Thị Thuỳ	Dung	25/01/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
127	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0127	Ngô Thu	Hà	14/10/1999	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
128	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0128	Đinh Thu	Hà	26/11/2000	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
129	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0129	Dương Hoàng	Lan	03/5/1999	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
130	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0130	Nguyễn Thị Trà	My	26/11/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
131	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0131	Nguyễn Phương	Nga	03/11/2001	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
132	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0132	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/06/1996	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Phúc Đồng		Anh
133	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0133	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/1999	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
134	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0134	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/8/1999	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
135	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0135	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/11/2002	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
136	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0136	Đỗ Kim	Chi	04/08/2002	Nữ	Điền Xá, Nam Trực	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
137	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0137	Nguyễn Hương	Giang	15/04/1997	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
138	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0138	Nguyễn Thị	Hạnh	07/11/1993	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
139	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0139	Lê Quỳnh	Hoa	22/6/1998	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
140	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0140	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/7/1997	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
141	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0141	Chu Thị	Hương	01/12/2002	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
142	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0142	Nguyễn Thu	Phương	04/9/2002	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		MNN
143	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0143	Dương Thị Thanh	Tân	28/9/1999	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
144	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0144	Bùi Thị	Thắm	11/12/2000	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
145	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0145	Nguyễn Ngọc	Thuý	25/11/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
146	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0146	Nguyễn Lê Hải	Trang	16/12/2001	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
147	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0147	Dương Thùy	Trang	02/04/1999	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
148	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0148	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/10/2002	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Phúc Lợi		Anh
149	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0149	Dương Phương	Anh	10/9/1996	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
150	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0150	Bùi Thị Minh	Anh	24/12/1999	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
151	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0151	Dương Quỳnh	Anh	18/12/2002	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
152	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0152	Phạm Thị Vân	Anh	07/06/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
153	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0153	Đặng Thị	Duyên	11/7/1996	Nữ	Thái Bình	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
154	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0154	Nguyễn Thị	Giang	20/11/2000	Nữ	Phương Tiến, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
155	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0155	Nguyễn Thu	Hà	06/12/2002	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Sài Đồng		MNN
156	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0156	Phạm Thị Thu	Hà	26/12/1990	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
157	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0157	Nguyễn Thị	Hiền	18/4/1999	Nữ	Bát Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
158	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0158	Quách Ngọc	Huyền	22/12/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
159	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0159	Nguyễn Thu	Huyền	23/10/2002	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
160	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0160	Nguyễn Thị Xuân	Hương	11/02/2000	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
161	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0161	Lê Thị Ngọc	Lâm	12/04/1990	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
162	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0162	Đặng Mỹ	Linh	12/02/2001	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
163	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0163	Nguyễn Phương	Linh	11/02/2002	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
164	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0164	Trần Thị Phương	Mai	15/05/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Sài Đồng		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
165	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0165	Nguyễn Thuỳ	Ninh	10/9/1989	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
166	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0166	Vũ Thu	Nga	18/9/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
167	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0167	Trần Giang	Ngân	29/5/2002	Nữ	Hoa Lâm, Đức Giang	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Sài Đồng		MNN
168	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0168	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	08/09/1983	Nữ	Văn Chương, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học; Tiếng Anh	GV	CB	1	Sài Đồng		MNN
169	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0169	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	23/03/1998	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
170	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0170	Bùi Hồng	Thuỷ	27/8/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
171	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0171	Phùng Thị	Thùy	28/06/2002	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
172	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0172	Lê Thị	Thủy	05/05/2001	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
173	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0173	Lương Thu	Trang	12/9/2000	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
174	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0174	Nguyễn Thị Thu	Trang	03/9/1998	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	ĐH	LT	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
175	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0175	Phùng Thu	Uyên	10/6/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Sài Đồng		Anh
176	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0176	Nguyễn Ngọc	Anh	28/8/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
177	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0177	Tạ Bích	Diệp	24/05/1993	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng	ĐH	TX	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
178	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0178	Nguyễn Thuỳ	Dương	21/11/2001	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
179	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0179	Đặng Thị Trà	Giang	17/03/1998	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
180	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0180	Lê Thanh	Hà	01/10/1999	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
181	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0181	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	17/11/2001	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
182	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0182	Nguyễn Thu	Hằng	31/03/2002	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
183	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0183	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/07/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
184	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0184	Đào Gia	Hân	07/10/1998	Nữ	Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		MNN
185	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0185	Đào Thu	Hiên	25/12/2000	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
186	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0186	Ninh Thị	Hiền	23/11/1993	Nữ	TT Đông Anh, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
187	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0187	Đoàn Khánh	Hòa	22/11/1999	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
188	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0188	Ngô Thị Bích	Hồng	13/08/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
189	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0189	Vũ Thị Thanh	Huyền	24/02/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
190	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0190	Trần Lan	Hương	02/06/2002	Nữ	Phường Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
191	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0191	Nguyễn Thị	Hương	03/05/1994	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
192	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0192	Nguyễn Ngọc	Lan	14/08/1999	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
193	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0193	Vương Thảo	Linh	01/03/2001	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		MNN
194	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0194	Phạm Diệu	Linh	02/11/1994	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
195	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0195	Lê Thuỳ	Linh	11/11/1994	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
196	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0196	Trần Khánh	Linh	17/3/2000	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
197	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0197	Dương Ngọc	Linh	07/07/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
198	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0198	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	02/02/1998	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
199	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0199	Nguyễn Thị Hương	Ly	19/06/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
200	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0200	Nguyễn Ngọc	Mai	23/10/1999	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
201	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0201	Nguyễn Thảo	My	16/03/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
202	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0202	Nguyễn Thuỳ	Nga	08/11/1997	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
203	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0203	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/1995	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
204	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0204	Nguyễn Thanh	Nhàn	20/01/1997	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Thạch Bàn A		MNN
205	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0205	Nguyễn Thị Hồng	Nhâm	21/3/1992	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
206	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0206	Nguyễn Thị Minh	Nhi	18/10/1995	Nữ	Bình Định	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
207	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0207	Vũ Thị Thảo	Nhung	11/01/1995	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
208	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0208	Phạm Thị Hồng	Nhung	09/11/1998	Nữ	Hải Dương	ĐH	LT	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
209	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0209	Bùi Lan	Phương	22/04/1994	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
210	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0210	Phạm Vũ Thu	Phương	18/11/2002	Nữ		ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		MNN
211	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0211	Nguyễn Ngọc	Quý	07/4/1996	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
212	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0212	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	04/9/1998	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
213	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0213	Phùng Thị	Thảo	20/06/1995	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
214	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0214	Thái Hoàng Thạch	Thảo	03/10/1999	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
215	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0215	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/1999	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
216	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0216	Nguyễn Thị	Thảo	20/01/1993	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
217	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0217	Hà Thu	Thuý	25/12/1994	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
218	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0218	Nguyễn Thị Ngọc	Thuý	23/9/1999	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
219	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0219	Trần Thu	Thủy	06/09/1994	Nữ	Quảng Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
220	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0220	Nguyễn Hương	Trang	08/04/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
221	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0221	Thân Thị Quỳnh	Trang	21/5/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VLVH	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
222	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0222	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	24/08/1996	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
223	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0223	Nguyễn Thị Phương	Trang	22/6/1994	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thạch Bàn A		Anh
224	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0224	Nguyễn Thu	Hằng	29/5/1998	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thanh Am		Anh
225	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0225	Nguyễn Cao Ánh	Ngọc	04/07/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thanh Am		Anh
226	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0226	Văn Phương	Oanh	25/02/1998	Nữ	Nam Định	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thanh Am		Anh
227	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0227	Nguyễn Thị Hải	Vân	22/05/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thanh Am		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
228	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0228	Đào Hạ	Vi	23/08/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Thanh Am		Anh
229	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0229	Ngô Quỳnh	Anh	13/6/2001	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Vũ Xuân Thiều		Anh
230	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0230	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/06/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Vũ Xuân Thiều		Anh
231	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0231	Lê Thuỳ	Linh	13/7/1998	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	LTCQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Vũ Xuân Thiều		Anh
232	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0232	Nguyễn Huyền	Thi	12/04/1998	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	CB	1	Vũ Xuân Thiều		Anh
233	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0233	Phi Thu	Trang	20/3/2000	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	CB	1	Vũ Xuân Thiều		MNN
234	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0234	Nguyễn Thu	Trang	27/3/1995	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học; Ngôn ngữ Anh	GV	CB	1	Vũ Xuân Thiều		MNN
235	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0235	Nguyễn Quang	Anh	07/12/2000	Nam	Hưng Yên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Ái Mộ A		Anh
236	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0236	Mai Thanh	Dũng	11/01/2002	Nam	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Ái Mộ A		Anh
237	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0237	Bùi Công	Đạt	19/9/1996	Nam	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Huấn luyện Thể thao; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Ái Mộ A		Anh
238	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0238	Vũ Xuân	Tuyển	10/08/1992	Nam	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Ái Mộ A		Anh
239	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0239	Trần Văn	Thương	11/9/1989	Nam	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Thể dục thể thao	GV	GDTC	1	Ái Mộ A	CTB	Anh
240	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0240	Lê Tuấn	Anh	13/07/2000	Nam	Hưng Yên	ĐH	CQ	Quản lý Thể dục thể thao Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Đoàn Kết		Anh
241	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0241	Nguyễn Thị Diễm	Hương	19/11/2001	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Đoàn Kết		Anh
242	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0242	Nguyễn Ngọc	Huyền	11/6/2001	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Đoàn Khuê		Anh
243	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0243	Chu Xuân	Quý	16/01/1997	Nam	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Đoàn Khuê		Anh
244	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0244	Đinh Mạnh	Tuấn	14/12/2001	Nam	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Đoàn Khuê		Anh
245	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0245	Vũ Thị Minh	Thư	11/7/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Cử nhân Sư phạm Thể dục Thể thao	GV	GDTC	1	Đoàn Khuê		Anh
246	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0246	Nguyễn Văn	Duy	13/08/1994	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Giáo dục học; Y học Thể dục thể thao; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	GDTC	1	Gia Thượng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
247	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0247	Phạm Thu	Hà	13/8/1997	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa	ĐH	CQ	Thể dục thể thao Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Gia Thượng		Anh
248	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0248	Nguyễn Lệ	Hằng	10/8/1998	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Gia Thượng		Anh
249	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0249	Nguyễn Đặng Thành	Công	19/12/1997	Nam	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Huấn luyện thể thao; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	GDTC	1	Lê Quý Đôn		Anh
250	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0250	Đặng Hoàng	Linh	28/09/1996	Nam	Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Lê Quý Đôn		Anh
251	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0251	Nguyễn Đức	Mạnh	21/5/1997	Nam	Thái Bình	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Thạch Bàn A		Anh
252	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0252	Phạm Thị Ngọc	Tuyết	02/9/1991	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất; Ngôn ngữ Anh	GV	GDTC	1	Thạch Bàn A		MNN
253	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0253	Vũ Quang	Tuyền	04/07/1999	Nam	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Thạch Bàn A		Anh
254	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0254	Nguyễn Mỹ	Hoà	15/10/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Hoạ	1	Bồ Đề		Anh
255	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0255	Trần Thị	Linh	26/01/1997	Nữ	Nam Định	ĐH	VLVH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Hoạ	1	Bồ Đề		Anh
256	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0256	Ngô Thị Thu	Huyền	29/09/1981	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH; TC	TC; CQ	Hội hoạ; Sư phạm Hoạ	GV	Hoạ	1	Lê Quý Đôn		Anh
257	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0257	Phan Hồng	Hạnh	11/04/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Gia Quất		Anh
258	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0258	Nguyễn Thị Nhã	Phương	23/07/1993	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Gia Quất		Anh
259	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0259	Nguyễn Ngọc	Tuyết	12/7/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Phúc Lợi		Anh
260	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0260	Đinh Tú	Anh	12/9/1980	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Vũ Xuân Thiều		Anh
261	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0261	Nguyễn Thị	Luyến	10/02/1988	Nữ	Đại La, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Tin	GV	Tin	1	Bồ Đề		Anh
262	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0262	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/11/2002	Nữ	Xuân Dương, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Tin	1	Lê Quý Đôn		Anh
263	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0263	Nguyễn Thị Hoài	Thu	14/12/1996	Nữ	Sơn La	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho Giáo viên tin học cấp tiểu học	GV	Tin	1	Lê Quý Đôn		Anh
264	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 15/10/2024	LB 0264	Trần Thị	Diễm	22/11/1993	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tin học cấp Tiểu học	GV	Tin	1	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1 - KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Thông báo số 15/TB-HĐTD ngày 07/10/2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Long Biên)

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
1	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0265	Hồ Thị	Liên	07/08/1985	Nữ	Viên An, Ứng Hòa	ĐH	VHVL	Sư phạm tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề		MNN
2	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0266	Nguyễn Quỳnh	Phương	10/02/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Nghiệp vụ Sư phạm THCS	GV	Anh	2	Bồ Đề		MNN
3	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0267	Tạ Hà	Thảo	09/9/1994	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề		MNN
4	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0268	Lâm Thị Ngọc	Dung	07/8/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
5	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0269	Nguyễn Thu	Hà	19/10/1999	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
6	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0270	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/01/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
7	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0271	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	11/09/2002	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
8	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0272	Đào Nhật	Linh	20/12/1999	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
9	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0273	Nguyễn Khánh	Linh	19/08/2000	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
10	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0274	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/1997	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
11	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0275	Ngô Hương	Ly	30/06/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
12	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0276	Vũ Nguyễn Sao	Mai	28/11/2001	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên cấp THCS	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
13	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0277	Lê Hồng	Minh	08/4/2001	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
14	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0278	Nguyễn Thị Long	Phượng	10/08/1992	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
15	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0279	Nguyễn Văn	Tuấn	03/09/1997	Nam	Thái Bình	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ Sư phạm tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
16	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0280	Nguyễn Thị	Tuyết	06/12/1989	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
17	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0281	Nguyễn Thị	Tuyết	16/4/1988	Nữ	Hữu Hoà, Thanh Trì	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
18	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0282	Trịnh Thùy	Trang	26/12/1999	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	Ths	CQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy bằng Tiếng Anh và ngôn ngữ khác	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
19	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0283	Phạm Huyền	Trang	20/03/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối		MNN
20	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0284	Nguyễn Thị Tú	Anh	27/02/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
21	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0285	Nguyễn Tú	Anh	13/02/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
22	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0286	Nguyễn Thị Linh	Chi	22/06/1995	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
23	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0287	Phạm Thu	Giang	28/10/2002	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
24	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0288	Nguyễn Thị Hương	Giang	04/8/1997	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Tiếng Pháp	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
25	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0289	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/7/1994	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
26	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0290	Trần Ngọc	Hà	08/09/2001	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
27	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0291	Đào Thuý	Hà	09/4/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
28	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0292	Hoàng Thị Hồng	Hải	30/10/2001	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
29	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0293	Nguyễn Thu	Hiền	23/3/2000	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm cho giáo viên THCS	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
30	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0294	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/12/2001	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
31	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0295	Lê Thu	Lam	24/12/2001	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh (Sư phạm)	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
32	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0296	Đàm Thị Mai	Linh	29/11/2000	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
33	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0297	Doãn Thị	Nga	21/05/1989	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
34	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0298	Lê Thị Thanh	Nga	31/05/1983	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CT	Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Đô Thị Việt Hưng		MNN
35	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0299	Nguyễn Thị Thanh	Phương	02/01/2000	Nữ		ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
36	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0300	Vũ Thị Hoài	Thu	08/12/1996	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
37	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0301	Phạm Thị	Thu	02/3/1987	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hoà	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
38	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0302	Hà Thị Phương	Thúy	11/03/1984	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	Ths ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh sư phạm	GV	Anh	2	Đô Thị Việt Hưng		MNN
39	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0303	Nguyễn Thị	Trang	30/12/2001	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
40	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0304	Cao Nguyễn Hải	Yến	27/12/1996	Nữ	Đức Giang, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Ngôn Ngữ Anh	GV	Anh	2	Đô thị Việt Hưng		MNN
41	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0305	Đặng Thu	Hằng	17/11/1983	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm ngoại ngữ	GV	Anh	2	Gia Quất		MNN
42	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0306	Nguyễn Khánh	Huyền	26/11/1999	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Gia Quất		MNN
43	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0307	Nguyễn Thị Thanh	Vân	07/05/1993	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Gia Quất		MNN
44	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0308	Nguyễn Thanh Thu	Hương	29/12/2002	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Gia Thụy		MNN
45	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0309	Nguyễn Thị	Ngọc	29/02/1992	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm giáo viên Tiếng Anh THCS	GV	Anh	2	Gia Thụy		MNN
46	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0310	Lê Ngọc	Hiếu	04/4/1996	Nam	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VLVH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Giang Biên		MNN
47	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0311	Ngô Thị Thanh	Tâm	20/01/2002	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Giang Biên		MNN
48	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0312	Nguyễn Thị Lan	Tường	16/01/2000	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Giang Biên	CTB	MNN
49	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0313	Nguyễn Diệu	Thuý	27/10/2001	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Giang Biên		MNN
50	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0314	Nguyễn Hà	Trang	01/12/1999	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Giang Biên		MNN
51	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0315	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/10/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn		MNN
52	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0316	Nguyễn Thu	Hương	19/01/2002	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn		MNN
53	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0317	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	05/06/2000	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn		MNN
54	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0318	Nguyễn Diễm	Quỳnh	02/12/2002	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn		MNN
55	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0319	Lê Thị Vân	Anh	22/09/1998	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
56	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0320	Phạm Châu	Anh	15/08/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
57	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0321	Nguyễn Hà Vân	Anh	07/12/2002	Nữ	Phú Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
58	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0322	Nguyễn Như	Doanh	14/10/1978	Nam	Thái Bình	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên	CBB	MNN
59	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0323	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/8/1995	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
60	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0324	Hoàng Thị Thu	Hiền	05/09/1990	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Tiếng Pháp	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
61	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0325	Phạm Thị Bích	Huệ	24/4/2001	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
62	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0326	Tống Khánh	Linh	21/5/2001	Nữ	Gia Lai	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
63	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0327	Lương Thị Phương	Thảo	21/06/2002	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
64	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0328	Hoàng Thị Hà	Trang	09/02/1999	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
65	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0329	Bùi Ngọc	Trâm	05/3/2002	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Long Biên		MNN
66	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0330	Phạm Mai	Anh	10/10/1999	Nữ	Thuỵ Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp THCS	GV	Anh	2	Lý Thường Kiệt		MNN
67	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0331	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	02/03/2001	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Lý Thường Kiệt		MNN
68	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0332	Trần Thị	Mỹ	26/09/1991	Nữ	Hải Dương	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm Bậc I	GV	Anh	2	Lý Thường Kiệt		MNN
69	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0333	Đào Thị Thu	Nga	28/06/1976	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy môn tiếng Anh Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lý Thường Kiệt		MNN
70	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0334	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/07/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lý Thường Kiệt		MNN
71	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0335	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	28/09/1995	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	CĐHH	MNN
72	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0336	Phạm Thu	Hằng	09/05/1992	Nữ	Điện Biên, Ba Đình	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp THCS	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
73	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0337	Hoàng Thị Thu	Hương	13/9/1991	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng anh Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp trung học cơ sở	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
74	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0338	Đàm Diệu	Linh	07/11/2002	Nữ	Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
75	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0339	Bùi Lan	Phương	03/09/1988	Nữ	Văn Miếu, Đống Đa	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho Giáo viên các trường THCS	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
76	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0340	Trần Bảo	Phương	29/11/2000	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm cho giáo viên THCS	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
77	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0341	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	05/12/2002	Nữ	Hải Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
78	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0342	Trần Nguyễn Phương	Thảo	20/09/2000	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm THCS	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
79	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0343	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/11/1998	Nữ		ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
80	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0344	Đặng Phương	Thảo	08/3/2001	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
81	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0345	Lê Thị	Thúy	01/10/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
82	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0346	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/07/1997	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy		MNN
83	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0347	Nguyễn Thanh	Mai	14/9/1997	Nữ	Phú Thọ	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh Ngôn ngữ Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
84	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0348	Lê Vũ Phương	Thảo	19/5/2000	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
85	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0349	Bùi Thị Huyền	Trang	23/09/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ	GV	Anh	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		MNN
86	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0350	Trần Thị	Hải	19/04/1989	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Tiếng Anh sư phạm	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN
87	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0351	Nguyễn Dịu	Linh	18/08/1999	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN
88	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0352	Nhâm Thị Hồng	Mai	29/04/1998	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
89	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0353	Vũ Thị Kim	Ngân	06/12/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN
90	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0354	Đào Bích	Ngọc	06/03/1999	Nữ	Vân Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN
91	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0355	Dương Thị Mỹ	Quỳnh	11/12/2002	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN
92	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0356	Lê Hoài	Thu	14/10/1996	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Gia Thiều		MNN
93	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0357	Lê Thị	Soan	27/07/1998	Nữ		ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Phúc Đồng		MNN
94	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0358	Nguyễn Minh	Anh	06/04/2000	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Phúc Lợi		MNN
95	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0359	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	09/02/2001	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Phúc Lợi		MNN
96	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0360	Nguyễn Đình	Hoàng	10/01/2001	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Phúc Lợi		MNN
97	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0361	Vũ Thị Thanh	Hương	09/07/2000	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Phúc Lợi		MNN
98	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0362	Bùi Thị Thanh	Tâm	18/3/1990	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ	GV	Anh	2	Phúc Lợi		MNN
99	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0363	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/11/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Sài Đồng		MNN
100	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0364	Trần Thị Hoài	Anh	01/10/1990	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thạch Bàn		MNN
101	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0365	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/01/1997	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh Nghiệp vụ sư phạm Giáo viên Tiếng Anh THCS	GV	Anh	2	Thạch Bàn		MNN
102	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0366	Nguyễn Thị	Nga	10/08/1987	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thạch Bàn		MNN
103	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0367	Hoàng Thị	Thúy	25/03/1982	Nữ	An Khánh, Hoài Đức	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thạch Bàn	CTB, BB, CĐCS	MNN
104	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0368	Trần Thúy	Hà	03/9/1989	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh		MNN
105	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0369	Trần Hồng	Hạnh	26/03/1996	Nữ		Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh		MNN
106	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0370	Lê Thị	Lan	26/10/2000	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Thượng Thanh		MNN
107	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0371	Phạm Thị	Hà	20/12/1996	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Địa Lý	GV	Địa	2	Bồ Đề		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
108	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0372	Phạm Thị Lan	Anh	20/12/1998	Nữ	Hưng Yên	ĐH	VLVH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Chu Văn An		Anh
109	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0373	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	20/01/2002	Nữ	Yên Bái	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý (chất lượng cao)	GV	Địa	2	Lê Quý Đôn		Anh
110	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0374	Ong Thị	Phương	02/07/1997	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Lê Quý Đôn		Anh
111	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0375	Lê Thị Ngọc	Yến	22/4/1997	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Lê Quý Đôn		Anh
112	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0376	Phạm Ngọc	Minh	28/11/2002	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Lý Thường Kiệt		Anh
113	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0377	Bùi Bích	Phương	12/9/2002	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Lý Thường Kiệt		Anh
114	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0378	Phùng Thị	Huyền	07/09/2002	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Ngô Gia Tự		Anh
115	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0379	Đặng Mai	Phương	08/3/2002	Nữ	Hoà Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Phúc Đồng		Anh
116	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0380	Lương Thị	Hoa	09/10/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Phúc Lợi		Anh
117	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0381	Nguyễn Thị	Hoàn	02/03/1995	Nữ	Ba Trại, Ba Vì	ĐH	VHVL	Sư phạm Lịch sử, Địa Lý	GV	Địa	2	Phúc Lợi		Anh
118	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0382	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/05/1987	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Sư phạm Địa Lý	GV	Địa	2	Sài Đồng		Anh
119	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0383	Nguyễn Thuỳ	Trang	14/8/1998	Nữ	Xuân Đỉnh, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục Chính trị	GV	GDCD	2	Ái Mộ		Anh
120	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0384	Vũ Lương	Quỳnh	17/11/2001	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục Công dân	GV	GDCD	2	Gia Quất		Anh
121	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0385	Khúc Thị Thu	Thảo	27/11/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục Công dân	GV	GDCD	2	Lý Sơn		Anh
122	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0386	Nguyễn Đình	Tâm	11/12/2001	Nam	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Giáo dục Chính trị	GV	GDCD	2	Nguyễn Gia Thiều		Anh
123	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0387	Bùi Thị	Phúc	13/12/2002	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục Công dân	GV	GDCD	2	Phúc Đồng		Anh
124	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0388	Vũ Thu	Hoài	16/10/2001	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục công dân	GV	GDCD	2	Sài Đồng		Anh
125	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0389	Trịnh Nam	Anh	09/10/1997	Nam	Thanh Hoá	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Chu Văn An		Anh
126	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0390	Tân Văn	Chiến	27/08/2000	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Đô Thị Việt Hưng		Anh
127	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0391	Lê Văn	Hoàng	05/5/1995	Nam	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Đô thị Việt Hưng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
128	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0392	Trần Thị Mai	Lan	15/02/1990	Nữ	Bắc Ninh	Ths ĐH	CQ	Giáo dục học Huấn luyện thể thao Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm	GV	GDTC	2	Đức Giang		Anh
129	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0393	Nguyễn Bá	Lịch	21/8/2000	Nam	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Đức Giang		Anh
130	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0394	Nguyễn Thị	Hoa	03/11/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	2	Gia Quất		Anh
131	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0395	Bùi Anh	Tú	25/05/1998	Nam	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	2	Giang Biên		Anh
132	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0396	Đỗ Đăng	Điện	09/06/1995	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Thể dục thể thao; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên giáo dục thể chất	GV	GDTC	2	Phúc Đồng		Anh
133	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0397	Nguyễn Văn	Đạt	04/12/1998	Nam	Quảng Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Thạch Bàn		Anh
134	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0398	Dương Thị Tố	Liên	11/06/1999	Nữ	Hải Phòng	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Thạch Bàn		Anh
135	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0399	Hoàng Văn	Ngọc	24/09/1986	Nam	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Thể dục thể thao	GV	GDTC	2	Thạch Bàn		Anh
136	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0400	Hoàng Mạnh	Hà	15/08/1997	Nam	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	2	Thượng Thanh		Anh
137	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0401	Nguyễn Đức	Trọng	18/9/1985	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	2	Thượng Thanh		Anh
138	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0402	Mai Hà	Anh	15/02/2002	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
139	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0403	Đặng Thị Thuý	Hồng	03/03/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
140	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0404	Nguyễn Thị	Hường	27/5/1994	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng	Ths ĐH	CQ	Hoá Vô Cơ Hoá Học Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm giáo viên Hoá học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
141	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0405	Đỗ Thị	Linh	28/4/1998	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm	ĐH	VHVL	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
142	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0406	Đào Trà	My	14/7/1998	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
143	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0407	Đào Xuân	Phương	24/6/1997	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
144	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0408	Phạm Văn	Tuấn	01/05/1994	Nam	Thái Nguyên	Ths ĐH	CQ	Hóa hữu cơ; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
145	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0409	Trần Thu	Thủy	06/02/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Ái Mộ		Anh
146	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0410	Hoàng Thị Hương	Giang	24/5/1996	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ	Ths ĐH	CQ	Hoá học; Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
147	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0411	Trịnh Thị	Hà	13/06/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá Học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh
148	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0412	Nguyễn Sơn	Hoàng	18/12/1996	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh
149	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0413	Lương Thị	Hồng	02/11/1991	Nữ	Đình Liệt, Hoàng Mai	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh
150	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0414	Đặng Thị	Thảo	29/12/1983	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	2	Cự Khối	CBB	Anh
151	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0415	Giáp Tấn	Thịnh	12/11/1997	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh
152	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0416	Đào Thanh	Thủy	26/12/1992	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh
153	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0417	Nguyễn Thị	Yến	09/9/1988	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Cự Khối		Anh
154	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0418	Bùi Ngọc	Anh	07/06/1990	Nữ	Văn Chương, Đống Đa	Ths; ĐH	CQ	Hoá phân tích; Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
155	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0419	Diêm Thị	Dung	20/12/1993	Nữ	Bắc Giang	Ths ĐH	CQ	Hóa vô cơ; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
156	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0420	Nguyễn Thị	Dương	17/12/1997	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
157	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0421	Vũ Thị Ngọc	Lan	10/04/1999	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học (dạy bằng tiếng Anh)	GV	Hóa	2	Chu Văn An		MNN
158	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0422	Tô Thuỳ	Linh	21/06/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	Ths ĐH	CQ	Hoá phân tích Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
159	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0423	Trịnh Dương Thanh	Tùng	21/10/1990	Nam	Thanh Lương, Hai Bà Trưng	Ths ĐH	CQ	Hoá lý thuyết và Hoá lý; Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
160	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0424	Nguyễn Thị	Thuý	28/06/1988	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất	Ths ĐH	CQ	Hoá lý thuyết và Hoá lý; Hoá học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
161	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0425	Nguyễn Thị	Trang	06/07/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Chu Văn An		Anh
162	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0426	Nguyễn Thu	Hà	02/7/1996	Nữ	Đông Anh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
163	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0427	Trần Trung	Hiếu	30/9/1992	Nam	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Đô thị Việt Hưng	NVQS	Anh
164	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0428	Trương Thị	Hương	03/01/1990	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Hoá phân tích Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
165	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0429	Nguyễn Thị	Nhung	10/7/1996	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
166	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0430	Vũ Thị Kim .	Chi	05/5/1991	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Hoá học Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
167	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0431	Nguyễn Thị	Chi	19/09/1996	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn	DTTS	Anh
168	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0432	Nguyễn Anh	Đức	30/08/2002	Nam	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
169	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0433	Vũ Thị Khánh	Huyền	23/10/1995	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
170	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0434	Nguyễn Phạm Giao	Lâm	13/11/2002	Nam	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
171	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0435	Nguyễn Thị Phương	Liên	30/01/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
172	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0436	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/09/1997	Nữ	Nam Đồng, Đống Đa	Ths ĐH	CQ	Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
173	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0437	Nguyễn Hồng	Nhung	09/11/2001	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
174	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0438	Nguyễn Kim	Oanh	11/03/1995	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
175	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0439	Phạm Hà	Phương	09/03/1995	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
176	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0440	Phạm Minh	Phương	28/09/1999	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
177	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0441	Nguyễn Vũ Như	Quỳnh	10/08/2002	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá Học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
178	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0442	Đặng Thị Phương	Thuý	03/10/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
179	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0443	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/02/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Lê Quý Đôn		Anh
180	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0444	Đồng Lan	Chi	03/11/2002	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh
181	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0445	Nguyễn Thị Xuân	Giang	06/03/2002	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh
182	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0446	Nguyễn Nhị	Hà	20/09/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	Ths ĐH	CQ	Sư phạm Hóa Học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh
183	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0447	Nguyễn Thị	Hậu	26/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh
184	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0448	Nguyễn Thị	Huế	13/01/1988	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Cử nhân hoá học Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm ngành Hoá học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn	CBB	Anh
185	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0449	Ngô Mai	Hương	25/10/2002	Nữ	Phú La, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học (dạy Hoá học bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh
186	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0450	Bùi Minh	Hướng	11/10/1994	Nữ	Nam Định	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
187	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0451	Hoàng Ngọc Yến	Linh	01/11/2002	Nữ	Nghệ An	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học (dạy Hoá học bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		MNN
188	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0452	Hoàng Thị	Thu	08/03/1986	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm	Ths ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Thạch Bàn		Anh
189	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0453	Đồng Thị Kiều	Anh	08/02/1994	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
190	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0454	Nguyễn Thị Kim	Anh	27/10/1991	Nữ	Đồng Xuân, Hoàn Kiếm	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học Sư phạm Hoá học; Ngôn ngữ Anh	GV	Hóa	2	Việt Hưng		MNN
191	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0455	Nguyễn Thị Sông	Hương	21/06/2000	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
192	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0456	Âu Thu	Hường	01/11/1995	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
193	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0457	Nguyễn Hồng	Phúc	15/04/2001	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
194	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0458	Nguyễn Thị	Phượng	03/02/1994	Nữ	Hưng Yên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hoá học; Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
195	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0459	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/5/1997	Nữ		ĐH	CQ	Sư phạm Hoá học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
196	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0460	Nguyễn Thị Thanh	Vân	18/09/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Hóa phân tích; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
197	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0461	Đỗ Tiến	Vinh	17/01/1991	Nam	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Hóa học; Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	GV	Hóa	2	Việt Hưng		Anh
198	2	7 (P408)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0462	Phạm Thị Thanh	Tâm	25/12/1981	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm	ĐH	CT	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Họa	2	Lý Sơn		Anh
199	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0463	Nguyễn Bá	Chí	18/05/1988	Nam	Thái Bình	ĐH	VHVL	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Họa	2	Lý Thường Kiệt	CBB	Anh
200	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0464	Nông Thị Hồng	Nhung	20/01/1985	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm	ĐH	VHVL	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Họa	2	Ngọc Thụy		Anh
201	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0465	Nguyễn Thị Như	Mỹ	12/09/1992	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Họa	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
202	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0466	Nguyễn Thu	Hiền	18/07/1990	Nữ	Hoà Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ Thuật	GV	Họa	2	Thanh Am		Anh
203	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0467	Nguyễn Hạnh	Nguyên	27/04/2000	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ Thuật	GV	Họa	2	Thanh Am		Anh
204	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0468	Lê Phương	Anh	20/01/1995	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
205	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0469	Đặng Nguyệt	Ánh	27/10/1998	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Đô thị Việt Hưng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
206	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0470	Mai Thành	Biên	17/02/1996	Nam	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý (chất lượng cao)	GV	Lý	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
207	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0471	Nguyễn Thị	Ngoan	22/03/1994	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
208	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0472	Nguyễn Thị	Ngọc	20/02/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
209	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0473	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/07/2000	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
210	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0474	Đinh Thị Xuân	Quỳnh	06/03/2001	Nữ	Quảng Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Khoa học tự nhiên	GV	Lý	2	Gia Quất		MNN
211	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0475	Phạm Thị	Thảo	02/09/1996	Nữ	An Phú, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
212	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0476	Lê Huyền	Trang	07/05/1996	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
213	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0477	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	23/07/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
214	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0478	Nguyễn Thị	Trang	18/11/1988	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	Ths ĐH	CQ	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Anh
215	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0479	Ngô Thị	Xuyến	27/11/2001	Nữ	Thuỵ Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất		Trung
216	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0480	Phí Ngọc	Anh	04/02/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Lê Quý Đôn		Anh
217	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0481	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Lê Quý Đôn		Anh
218	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0482	Nguyễn Diệu	Trang	04/05/2001	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Lê Quý Đôn		Anh
219	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0483	Vũ Thị	Uyên	18/02/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Lê Quý Đôn		Anh
220	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0484	Nguyễn Thị	La	02/9/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Lý Thường Kiệt	CTB	Anh
221	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0485	Phạm Thị	Linh	12/10/1996	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Lý Thường Kiệt		Anh
222	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0486	Đỗ Thị	Nhung	24/01/1985	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	Ths ĐH CĐ	CQ	Vật lý; Vật lý; Ngôn ngữ Anh Sư phạm Lý - KTCN	GV	Lý	2	Lý Thường Kiệt		MNN
223	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0487	Nguyễn Thùy	Trang	16/04/2002	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Lý Thường Kiệt		Anh
224	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0488	Nguyễn Thị Hồng	Anh	13/08/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Thụy		Anh
225	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0489	Nguyễn Hương	Giang	22/11/2000	Nữ		ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Thụy		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
226	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0490	Đinh Hồng	Hạnh	03/02/1991	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Vật lý Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Lý	2	Ngọc Thụy		Anh
227	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0491	Nguyễn Thị	Phượng	04/05/1995	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Ngọc Thụy		Anh
228	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0492	Mai Thị	Thắm	02/12/1996	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý	GV	Lý	2	Ngọc Thụy		Anh
229	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0493	Trương Thị Thiên	Trang	24/6/1996	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Ngọc Thụy		Anh
230	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0494	Trần Thị	Chi	20/04/1993	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
231	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0495	Đinh Công	Hoàng	07/10/2001	Nam	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Lý	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
232	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0496	Phan Thị	Phượng	28/08/1989	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	Ths ĐH	CQ	Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán; Vật Lý; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Lý	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
233	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0497	Nguyễn Thị	Hoa	02/09/1997	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng		Anh
234	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0498	Đặng Thanh	Mai	28/01/1997	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng		Anh
235	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0499	Nguyễn Diễm	Quỳnh	01/10/2002	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Vật Lý (dạy Vật lý bằng tiếng Anh)	GV	Lý	2	Phúc Đồng		Anh
236	2	8 (P412)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0500	Bùi Thu	Hương	25/11/1999	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Thanh Am		Anh
237	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0501	Ngô Thị	Xuân	11/02/1994	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Thanh Am		Anh
238	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0502	Nguyễn Thu	Huyền	12/05/1997	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Việt Hưng		Anh
239	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0503	Nguyễn Thanh	Thảo	25/10/2002	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Việt Hưng		Anh
240	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0504	Nguyễn Thị Thảo	Huyền	24/5/1999	Nữ	Hải Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Cự Khối		Anh
241	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0505	Vũ Đức	Lương	11/11/1999	Nam	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
242	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0506	Nguyễn Thị	Thu	26/12/1996	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
243	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0507	Phạm Thị Thu	Thảo	09/9/2001	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Lê Quý Đôn		Anh
244	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0508	Nguyễn Thị	Bích	21/11/1986	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	ĐH	VHVL	Sư phạm Âm Nhạc	GV	Nhạc	2	Long Biên		Anh
245	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0509	Trần Minh	Hường	24/12/1987	Nam	Phú Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Long Biên		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thí tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
246	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0510	Nguyễn Thị Ngần	28/12/1990	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Long Biên		Anh
247	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0511	Vũ Tiến Dũng	20/7/2001	Nam	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Ngọc Thụy		Anh
248	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0512	Khổng Huyền Linh	06/03/2001	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Ngọc Thụy		Anh
249	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0513	Nguyễn Thu Trang	05/09/1988	Nữ	Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	2	Ngọc Thụy		Anh
250	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0514	Đặng Thị Ánh	20/09/1997	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ái Mộ		Anh
251	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0515	Nguyễn Thị Thúy Hằng	19/07/1993	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sinh học; Chứng chỉ NVSP cho giáo viên phổ thông	GV	Sinh	2	Ái Mộ		Anh
252	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0516	Lê Hoài Linh	20/5/1997	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học; Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ái Mộ		Anh
253	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0517	Hoàng Thị Oanh	16/12/1997	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ái Mộ		Anh
254	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0518	Vũ Thị Thanh Thanh	21/12/1996	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh Học	GV	Sinh	2	Ái Mộ		Anh
255	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0519	Lê Thị Trang	11/01/1999	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học (Chất lượng cao)	GV	Sinh	2	Chu Văn An		Anh
256	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0520	Trần Hồng Trang	07/01/1987	Nữ	Giang Biên, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Động vật học; Sư phạm Sinh học chất lượng cao	GV	Sinh	2	Chu Văn An		Anh
257	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0521	Hoàng Thị Ký	21/3/1998	Nữ	Tuyên Quang	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Long Biên	DTTS	Anh
258	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0522	Nguyễn Thị Thu Huyền	29/12/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh Học	GV	Sinh	2	Lý Thường Kiệt		Anh
259	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0523	Nguyễn Thị Thanh Phượng	09/04/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn	Ths ĐH	CQ	Sinh thái học Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Thụy		Anh
260	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0524	Nguyễn Thế Trường	08/10/1979	Nam	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Ngọc Thụy		Anh
261	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0525	Nguyễn Thị Hoa	24/07/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Phúc Lợi		Anh
262	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0526	Đặng Minh Phương	19/06/1992	Nam	Tuyên Quang	ĐH	CQ	Công nghệ Sinh học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm khoa học tự nhiên	GV	Sinh	2	Phúc Lợi	CBB	Anh
263	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0527	Đinh Thị Phương Anh	19/09/1999	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Sài Đồng		Anh
264	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0528	Bùi Thị Ngọc Diệp	17/11/1995	Nữ	Hải Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh Học	GV	Sinh	2	Sài Đồng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
265	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0529	Lê Phương	Hoa	19/01/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh - Hoá	GV	Sinh	2	Sài Đồng		Anh
266	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0530	Trần Thị	Trọng	05/09/1989	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch Sử	GV	Sử	2	Ái Mộ		Anh
267	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0531	Nguyễn Phương	Thúy	30/05/1996	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	Ths ĐH	CQ	Lịch sử Việt Nam; Sư phạm Lịch Sử	GV	Sử	2	Chu Văn An		Anh
268	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0532	Lê Thị	Hải	29/11/1988	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Đô Thị Việt Hưng		Anh
269	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0533	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/12/2000	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
270	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0534	Chu Hoàng	Lan	05/11/1999	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
271	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0535	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/7/1994	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Lịch Sử	GV	Sử	2	Giang Biên		Anh
272	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0536	Bùi Linh	Chi	05/07/1996	Nữ	Phú Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Lê Quý Đôn		Anh
273	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0537	Trần Văn	Kiên	24/01/2000	Nam	Xuân La, Tây Hồ	ĐH	CQ	Đại học - Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Lê Quý Đôn		Anh
274	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 15/10/2024	LB0538	Đinh Thị Tài	Linh	10/03/1998	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Lê Quý Đôn		Anh
275	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0539	Nguyễn Thị Lan	Hương	19/7/2000	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hoà	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy		Anh
276	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0540	Đỗ Ngọc	Nam	26/12/1997	Nam	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy		Anh
277	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0541	Lê Văn	Thuỷ	12/9/1994	Nam	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy		Anh
278	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0542	Trần Thị	Thủy	04/7/1991	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy		Anh
279	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0543	Nguyễn Thị Thu	Thủy	11/10/1998	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy		Anh
280	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0544	Hoàng Thanh	Trang	11/09/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy		Anh
281	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0545	Phạm Thị	Duyên	01/7/1993	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hoà	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
282	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0546	Trần Phương	Mai	29/01/2001	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
283	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0547	Phạm Thu	Hương	17/09/1990	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử Sư phạm Lịch Sử	GV	Sử	2	Thạch Bàn		Anh
284	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0548	Nguyễn Mai	Linh	26/10/1999	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Thạch Bàn		MNN
285	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0549	Vũ Thị	Nguyên	03/4/1993	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử; Ngôn ngữ Anh	GV	Sử	2	Thạch Bàn		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
286	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0550	Trần Thị	Oanh	01/02/1987	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	Ths ĐH	CQ	Lịch sử; Lịch sử Đảng Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Sử	2	Thạch Bàn	CBB	Anh
287	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0551	Bùi Đức	Duy	28/08/1992	Nam	Giang Biên, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tin học Công nghệ thông tin	GV	Tin	2	Lý Sơn		Anh
288	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0552	Đinh Thị	Giang	02/11/1995	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh	ĐH	TC	Sư phạm Tin học	GV	Tin	2	Lý Sơn		Anh
289	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0553	Đào Thúy	Lan	28/06/1994	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Tin học	GV	Tin	2	Lý Sơn		Anh
290	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0554	Nguyễn Tuấn	Đạt	28/10/1987	Nam	Kim Thư, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Tin	2	Lý Thường Kiệt		Anh
291	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0555	Phạm Thị Thu	Hiền	06/02/1993	Nữ	Kim Đường, Ứng Hoà	ĐH	CQ	Sư phạm Toán - Tin	GV	Tin	2	Lý Thường Kiệt		Anh
292	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0556	Hoàng Thị	Thu	01/05/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Tin	2	Lý Thường Kiệt		Anh
293	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0557	Nguyễn Hồng	Hạnh	18/10/2001	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
294	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0558	Bùi Thị Thu	Hằng	30/8/1989	Nữ	Hoà Bình	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	DTTS	Anh
295	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0559	Lê Phương	Huệ	07/11/2001	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
296	1	1 (P306)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0560	Nguyễn Thị	Huyền	09/06/1993	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
297	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0561	Bùi Thanh	Hương	31/01/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
298	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0562	Lê Thị Thu	Hường	18/01/1996	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức	Ths ĐH	CQ	Toán ứng dụng; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
299	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0563	Ngô Trung	Kiên	27/12/1996	Nam	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
300	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0564	Nguyễn Ngọc	Mai	09/02/1994	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
301	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0565	Dương Thị Phương	Mai	09/01/1999	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
302	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0566	Vương Lê Trà	My	26/05/1994	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
303	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0567	Nguyễn Thị	Ngọc	27/11/1999	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
304	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0568	Lại Kim	Ngọc	04/10/2002	Nữ	Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
305	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0569	Lại Thị Lệ	Nhi	01/12/2000	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
306	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0570	Nguyễn Thị	Thanh	03/01/1995	Nữ		Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
307	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0571	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	18/12/2000	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
308	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0572	Nguyễn Thùy	Trang	13/12/2001	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
309	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0573	Nguyễn Thu	Trang	07/01/1998	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
310	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0574	Hoàng Hà	Trang	31/01/2000	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
311	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0575	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/10/1989	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Cự Khối		Anh
312	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0576	Hoàng Việt	Anh	07/09/1995	Nam	Vĩnh Phúc	Ths ĐH	CQ	Toán Giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đô Thị Việt Hưng		Anh
313	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0577	Tô Gia	Cần	11/10/1993	Nam	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đô Thị Việt Hưng		Anh
314	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0578	Nguyễn Mạnh	Cường	04/05/1996	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	Ths ĐH	CQ	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
315	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0579	Đoàn Thị	Thanh	15/01/1995	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	Ths ĐH	CQ	Toán học; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đô Thị Việt Hưng		Anh
316	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0580	Nguyễn Thị Phương	Thu	03/10/2002	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đô thị Việt Hưng		Anh
317	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0581	Nguyễn Văn	An	18/02/1984	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
318	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0582	Lương Thị Mai	Anh	16/03/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán - Lí	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
319	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0583	Nguyễn Tiến	Duật	29/11/1987	Nam	Tô Hiệu, Thường Tín	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
320	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0584	Lê Thu	Hà	13/4/1994	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
321	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0585	Ngô Thị	Hạnh	16/12/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	Ths ĐH	CQ	Toán học Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
322	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0586	Đặng Thị Thúy	Hằng	21/05/1997	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	LTCQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
323	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0587	Nguyễn Phượng	Hồng	16/6/1996	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
324	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0588	Nguyễn Thị	Huyền	22/04/1993	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
325	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0589	Nguyễn Thị Thu	Hường	06/12/1997	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
326	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0590	Phạm Văn	Mạnh	07/08/1997	Nam	Thượng Thanh, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Toán học; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
327	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0591	Nguyễn Văn	Minh	20/08/2000	Nam	Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
328	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0592	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25/01/1994	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐH	CQ	Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
329	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0593	Nguyễn Thị	Phương	22/11/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
330	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0594	Nguyễn Như	Quỳnh	27/02/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
331	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0595	Dương Thu	Quỳnh	28/11/2002	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
332	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0596	Nguyễn Thị Minh	Tâm	28/12/1996	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
333	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0597	Nguyễn Mạnh	Toàn	05/12/1993	Nam	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
334	1	2 (P312)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0598	Lại Văn	Tôn	11/04/1994	Nam	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
335	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0599	Phạm Minh	Tuấn	20/11/2002	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán Học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
336	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0600	Nguyễn Kiều	Trinh	15/5/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Đức Giang		Anh
337	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0601	Nguyễn Nam	Anh	17/10/1995	Nam	Cổ Loa, Đông Anh	Ths ĐH	CQ	Toán ứng dụng; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
338	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0602	Nguyễn Thanh	Bình	18/04/2002	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
339	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0603	Phùng Thu	Diệp	29/8/2002	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
340	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0604	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/10/2001	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		MNN
341	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0605	Phạm Thanh	Hậu	14/12/1991	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học; Ngôn ngữ Anh	GV	Toán	2	Gia Quất		MNN
342	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0606	Vũ Thanh	Hoài	30/3/1989	Nữ	Quốc Tử Giám, Đống Đa	Ths ĐH	CQ VHVL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
343	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0607	Nguyễn Thu	Huyền	21/09/1999	Nữ	Yên Bài, Ba Vì	Ths ĐH	CQ	Toán học Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
344	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0608	Nguyễn Thị Thu	Huyền	14/11/2001	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
345	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0609	Đỗ Thị Mai	Linh	19/10/2001	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
346	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0610	Thái Nhật	Long	13/6/2002	Nam	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
347	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0611	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/02/1998	Nam	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
348	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0612	Bùi Kim	Quý	03/08/1999	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất	CTB	Anh
349	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0613	Dương Thị	Trinh	13/01/1994	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
350	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0614	Nguyễn Bảo	Uyên	30/5/2001	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
351	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0615	Âu Thị Hoàng	Yến	03/11/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Gia Quất		Anh
352	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0616	Ngô Quốc	Chiến	06/9/1996	Nam	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
353	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0617	Ngô Bích	Giang	25/11/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
354	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0618	Đinh Thúy	Hà	12/05/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Toán học; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
355	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0619	Nguyễn Thị Minh	Hoa	09/2/1996	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
356	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0620	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/1995	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
357	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0621	Trần Thị	Hường	14/10/1995	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
358	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0622	Đinh Thị Kim	Ngân	17/11/1996	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
359	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0623	Đào Thanh	Tùng	04/11/2000	Nam	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Giang Biên		Anh
360	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0624	Nguyễn Hoàng Huyền	Anh	10/10/2002	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
361	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0625	Chử Thị Lan	Anh	05/09/1998	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
362	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0626	Vũ Minh	Chiến	29/4/1998	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
363	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0627	Hà Kiều	Chung	19/01/1999	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
364	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0628	Phạm Kim	Dung	19/9/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
365	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0629	Dương Hương	Giang	14/01/2001	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		MNN
366	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0630	Nguyễn Thái	Hà	18/11/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
367	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0631	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	02/12/1995	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
368	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0632	Nguyễn Thu	Hằng	14/01/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
369	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0633	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/12/1995	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
370	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0634	Nguyễn Thị	Hiền	15/07/1986	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
371	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0635	Trịnh Ngọc	Huyền	13/9/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
372	1	3 (P313)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0636	Dương Thu	Hương	21/06/2001	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
373	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0637	Bùi Thị Mai	Lan	29/6/2002	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
374	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0638	Dương Thuỳ	Linh	14/8/1994	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
375	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0639	Vũ Kiều Khánh	Linh	26/11/2000	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
376	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0640	Nguyễn Khánh	Linh	02/2/1999	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
377	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0641	Lưu Thùy	Linh	17/08/1999	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
378	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0642	Đào Thị Yến	Linh	26/01/2001	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
379	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0643	Nguyễn Thị	Minh	05/10/1996	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	Ths ĐH	CQ VHVL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
380	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0644	Phạm Thị Hà	Ngân	28/08/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
381	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0645	Lê Thị Hồng	Ngọc	14/8/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
382	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0646	Nguyễn Thu	Phương	16/11/1994	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
383	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0647	Nguyễn Thị	Phương	04/5/1990	Nữ	Ninh Hiệp, Gia Lâm	Ths ĐH	CQ	Đại số và lý thuyết số Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
384	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0648	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	19/01/1995	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán Học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
385	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0649	Phan Nguyễn Cẩm	Tú	18/9/1995	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học (Dạy toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
386	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0650	Lê Hải	Tuyến	01/01/2001	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
387	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0651	Trịnh Thị	Thơm	05/04/1992	Nữ	Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
388	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0652	Phạm Thị	Thơm	01/3/1993	Nữ	Thái Bình	Ths ĐH	CQ	Toán học Sư phạm Toán - Lý	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
389	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0653	Đặng Thị	Thu	16/03/1993	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
390	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0654	Trần Thị Minh	Trang	20/08/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
391	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0655	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/7/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lê Quý Đôn		Anh
392	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0656	Nguyễn Thị Minh	Anh	02/3/2000	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
393	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0657	Nguyễn Thị	Doanh	06/09/1991	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
394	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0658	Vũ Việt	Hà	25/03/1996	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học Sư phạm tiếng Anh	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		MNN
395	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0659	Trịnh Hải	Hà	17/11/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
396	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0660	Lê Minh	Huyền	07/5/1994	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
397	1	4 (P405)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0661	Lê Thị Thuỳ	Linh	12/12/1996	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm	Ths ĐH	CQ	Sư phạm Toán học Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
398	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0662	Lê Mỹ	Linh	21/07/1998	Nữ		Ths ĐH	CQ	Toán ứng dụng; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
399	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0663	Phạm Hạnh	Nguyên	11/01/1992	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán; Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		MNN
400	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0664	Nguyễn Thị Thu	Uyên	09/11/2002	Nữ	Kim Thủ, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Lý Thường Kiệt		Anh
401	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0665	Trịnh Ngọc	Anh	07/3/2001	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
402	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0666	Trần Hải	Anh	14/7/1997	Nữ	Thuỵ Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
403	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0667	Hoàng Thị Phương	Anh	04/10/2002	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
404	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0668	Hoàng Phương	Anh	03/11/2002	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
405	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0669	Nguyễn Tuấn	Anh	11/01/1987	Nam	Trung Văn, Nam Từ Liêm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
406	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0670	Phạm Thị Phương	Anh	07/06/1994	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
407	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0671	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1994	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
408	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0672	Lô Minh	Ánh	07/07/1998	Nữ	Nghệ An	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy	DTTS	Anh
409	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0673	Trần Thị	Bình	11/12/2002	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán Học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
410	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0674	Nguyễn Việt	Cường	06/10/2001	Nam	Ô Chợ Dừa, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
411	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0675	Hoàng Đại	Dương	01/5/1998	Nam	Bưởi, Tây Hồ	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán học Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
412	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0676	Bùi Văn	Đạo	04/12/1986	Nam	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
413	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0677	Nguyễn Hương	Giang	20/6/1995	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
414	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0678	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
415	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0679	Nguyễn Hoàng	Hà	14/12/2002	Nam	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
416	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0680	Phan Minh	Hằng	30/08/1998	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
417	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0681	Nguyễn Minh	Hằng	12/05/2001	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán Học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		MNN
418	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0682	Nguyễn Thị Thu	Hằng	28/11/2001	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
419	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0683	Đỗ Thị Mỹ	Hoa	14/01/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
420	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0684	Nguyễn Thanh	Hoa	30/01/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Hình học và Tôpô Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
421	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0685	Nguyễn Minh	Hoàng	13/08/1995	Nam	Nguyễn Trung Trực, Ba Đình	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
422	1	5 (P406)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0686	Dương Thu	Hương	23/12/2002	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
423	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0687	Đàm Mai	Hương	10/12/1998	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
424	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0688	Nguyễn Cao	Khánh	07/05/1998	Nam	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
425	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0689	Lê Thị	Mai	05/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
426	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0690	Lê Thị Hà	My	10/7/1997	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
427	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0691	Vũ Thị	Na	12/3/1988	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
428	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0692	Nguyễn Văn	Nam	26/11/2001	Nam	Ninh Hiệp, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Trung
429	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0693	Đỗ Thị Thúy	Nga	05/01/1987	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
430	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0694	Nguyễn Thị Ánh	Nga	08/9/1995	Nữ	Quảng Ninh	Ths ĐH	CQ CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
431	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0695	Nguyễn Thị	Ngà	11/7/1985	Nữ	Vân Hội, Đông Anh	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán Toán Giải tích	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
432	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0696	Hoàng Thị	Ngân	01/02/1999	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
433	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0697	Đỗ Thị Kiều	Ngân	21/12/2001	Nữ	Ngọc Hoà, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
434	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0698	Trương Thị	Ngọc	01/02/1993	Nữ	Phú Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Ngọc Thụy	CTB	Anh
435	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0699	Trương Thị Tuyết	Nhung	10/12/2001	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
436	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0700	Nguyễn Thị	Oanh	01/3/1998	Nữ	Cạnh Nâu, Thạch Thất	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
437	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0701	Phùng Thị	Oanh	22/10/2001	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
438	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0702	Nguyễn Thị Hồng	Phương	26/02/1991	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
439	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0703	Đào Thị Mai	Phượng	25/07/1996	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn	Ths ĐH	CQ	Toán Giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
440	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0704	Nguyễn Hương	Quỳnh	14/3/1999	Nữ	Bắc Giang	Ths ĐH	CQ	Toán ứng dụng Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
441	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0705	Nguyễn Trịnh	Tam	01/04/2002	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
442	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0706	Vũ Thị Thuỳ	Tiên	31/01/2001	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
443	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0707	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	07/10/1997	Nữ	Hoà Thạch, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		MNN
444	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0708	Đào Thu	Thảo	26/01/2002	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
445	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0709	Mai Thị Thu	Thảo	12/12/1993	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
446	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0710	Đỗ Thu	Thuỷ	04/3/2000	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
447	1	6 (P407)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0711	Trần Thị	Thủy	05/01/2001	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
448	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0712	Vũ Thị Thanh	Thủy	23/02/2002	Nữ	Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
449	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0713	Phạm Thanh	Thương	26/11/1995	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
450	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0714	Đỗ Thị	Trang	23/08/2001	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		MNN
451	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0715	Dương Thu	Trang	23/08/2002	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
452	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0716	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/10/1996	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
453	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0717	Ngô Thị Huyền	Trang	17/10/2022	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
454	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0718	Đỗ Thị Thu	Trang	31/12/1996	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
455	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0719	Đỗ Thị Thanh	Xuân	06/11/1998	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy môn Toán học Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		MNN
456	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0720	Hoàng Thanh	Xuân	25/8/1998	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
457	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0721	Đoàn Văn	Xuyến	12/9/1988	Nam	Nam Định	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Ngọc Thụy		Anh
458	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0722	Nguyễn Thị	Nhung	31/8/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
459	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0723	Nguyễn Thu	Trang	13/4/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
460	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0724	Đặng Thu	Trang	14/10/2000	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bỉnh Khiêm		Anh
461	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0725	Vũ Thùy	Anh	25/09/1993	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
462	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0726	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/10/2002	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
463	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0727	Phạm Thị Thu	Hà	12/9/1994	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
464	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0728	Mai Thị Thu	Hà	28/9/1989	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
465	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0729	Nguyễn Thị Thúy	Hà	28/9/1990	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
466	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0730	Lê Minh	Hằng	27/02/1998	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
467	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0731	Nguyễn Thị Thu	Hằng	25/10/2002	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
468	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0732	Nguyễn Thị Minh	Hoà	30/7/2002	Nữ		ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
469	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0733	Nguyễn Duy	Hùng	21/07/2002	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Toán Học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
470	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0734	Nguyễn Thu	Lan	29/9/2001	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
471	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0735	Đinh Thị Diệu	Linh	29/04/1997	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháo dạy học môn Toán; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
472	1	7 (P408)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0736	Nguyễn Thị Hà	My	26/5/1995	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		MNN
473	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0737	Nguyễn Huyền	My	20/06/1998	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
474	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0738	Đinh Kim	Ngân	29/10/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
475	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0739	Phạm Thị Hồng	Nhung	04/11/1994	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
476	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0740	Nguyễn Thị	Phương	15/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
477	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0741	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/5/1997	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hoà	Ths ĐH	CQ	Toán ứng dụng Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
478	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0742	Ngô Thị Thanh	Vân	24/05/1994	Nữ	Vĩnh Phúc	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích Sư phạm Toán Học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
479	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0743	Nguyễn Thị	Vinh	19/9/1989	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
480	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0744	Vũ Thị	Yến	23/03/1993	Nữ	Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
481	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0745	Nguyễn Hải	Yến	09/10/1992	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích; Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm	GV	Toán	2	Phúc Đồng		Anh
482	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0746	Vũ Trường	Khang	07/11/1995	Nam	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Lợi		Anh
483	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0747	Nguyễn Thùy	Linh	01/12/2001	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Lợi		Anh
484	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0748	Trần Minh	Sơn	30/07/1998	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Lợi		Anh
485	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0749	Nguyễn Trung	Sơn	05/10/2002	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Phúc Lợi		Anh
486	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0750	Lê Thị	Linh	18/06/1993	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Sài Đồng	CTB	Anh
487	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0751	Nguyễn Đặng Thùy	Linh	22/01/1997	Nữ	TT Đông Anh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Sài Đồng		Anh
488	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0752	Nguyễn Đức	Minh	31/12/2000	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Sài Đồng		Anh
489	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0753	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/6/1996	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Sài Đồng		Anh
490	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0754	Phạm Thị Hồng	Ánh	02/09/1993	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn		Anh
491	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0755	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/11/2002	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn		Anh
492	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0756	Tăng Thị	Đức	16/9/1988	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích; Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Thạch Bàn		Anh
493	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0757	Dương Thu	Hằng	27/10/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn		Anh
494	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0758	Nguyễn Thuỳ	Linh	19/9/1996	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn		Anh
495	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0759	Nguyễn Thị	Nhuệ	16/02/1989	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên	Ths ĐH	CQ	Toán giải tích; Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Thạch Bàn		Anh
496	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0760	Nguyễn Vũ Nam	Sơn	14/11/1993	Nam	Láng Hạ, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học Ngôn ngữ Anh Sư phạm kỹ thuật	GV	Toán	2	Thạch Bàn		MNN
497	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0761	Nguyễn Quang	Huy	29/11/1999	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Việt Hưng		Anh
498	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0762	Đào Thị Thu	Huyền	15/6/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Việt Hưng		Anh
499	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0763	Nguyễn Thị	Lịu	26/02/1997	Nữ	Giang Biên, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Toán ứng dụng Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Việt Hưng		MNN

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
500	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0764	Nguyễn Mai	Nga	25/10/1997	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Việt Hưng		Anh
501	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0765	Nguyễn Xuân	Phương	19/06/1997	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Việt Hưng		Anh
502	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0766	Nguyễn Thu	Thuỷ	21/8/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh	Ths ĐH	CQTT CQ	Đại số và lý thuyết số Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Việt Hưng		Anh
503	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0767	Hà Thị Mai	Hoa	23/8/1987	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ái Mộ		Anh
504	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0768	Đào Thị	Ngân	21/11/1990	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ái Mộ		Anh
505	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0769	Đào Thị	Vui	19/12/2002	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ái Mộ		Anh
506	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0770	Đỗ Thị Tùng	Diệp	07/02/1988	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Văn học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Văn	2	Cự Khối	CBB	Anh
507	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0771	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/08/1980	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH CĐ	CT	Văn học; Sư phạm Văn - GDCD	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
508	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0772	Cao Thuý	Hằng	24/02/1996	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
509	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0773	Nguyễn Phương	Hiền	31/5/1999	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	Ths ĐH	CQ	Văn học Việt Nam; Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Pháp
510	1	8 (P412)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0774	Đào Ngọc	Huyền	01/07/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
511	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0775	Nguyễn Thị Thanh	Hương	29/07/1998	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
512	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0776	Đinh Thị	Lan	04/06/1994	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối	DTTS	Anh
513	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0777	Trần Thị Khánh	Linh	10/8/2002	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
514	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0778	Phùng Thị Anh	Ngọc	17/01/1989	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
515	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0779	Nguyễn Thị	Nhàn	19/11/1996	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
516	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0780	Ngô Thị Thu	Phương	23/11/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Ngôn ngữ học Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
517	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0781	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/12/1997	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
518	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0782	Mai Quỳnh	Trang	01/12/2001	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
519	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0783	Phùng Phương	Uyên	25/7/2002	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh
520	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0784	Nguyễn Hải	Yến	30/6/2000	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Văn học Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm giáo viên Ngữ văn	GV	Văn	2	Cự Khối		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
521	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0785	Vương Nguyễn Phương	Giang	04/09/1996	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
522	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0786	Nguyễn Thu	Hà	07/01/2001	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
523	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0787	Đỗ Minh	Hiếu	24/11/2002	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
524	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0788	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/01/2000	Nữ	An Thượng, Hoài Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
525	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0789	Trần Hồng	Liên	22/06/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
526	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0790	Trần Thị Hương	Ly	16/02/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
527	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0791	Nguyễn Thị	Nhung	05/01/1997	Nữ	Bắc Ninh	Ths ĐH	CQ	Ngôn ngữ học Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
528	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0792	Lê Anh	Thư	26/11/1999	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Văn học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên phổ thông	GV	Văn	2	Đức Giang		Trung
529	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0793	Đoàn Kim	Trang	12/06/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
530	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0794	Nguyễn Hoàng	Yến	19/3/1999	Nữ	Ô Cách, Đức Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
531	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0795	Phạm Hồng	Yến	25/02/2000	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Đức Giang		Anh
532	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0796	Phạm Minh	Anh	02/11/2001	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Gia Quất		Anh
533	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0797	Lương Thị	Hảo	29/7/1987	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Gia Quất		Anh
534	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0798	Nguyễn Bích	Loan	12/06/2002	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Gia Quất		Anh
535	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0799	Nguyễn Thị Hương	Trang	27/06/1993	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt; Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Gia Quất		Anh
536	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0800	Đào Minh	Châu	18/10/2000	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Gia Thụy		Anh
537	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0801	Vũ Thị Thanh	Huyền	01/10/2002	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Gia Thụy		Anh
538	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0802	Vũ Ánh	Ngọc	23/01/1999	Nữ	Phường Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Gia Thụy		Anh
539	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0803	Nguyễn Thuỳ	Dương	03/7/2001	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Giang Biên		Anh
540	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0804	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	30/12/2000	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Giang Biên		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
541	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0805	Trần Thị	Mến	02/12/1988	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Giang Biên		Anh
542	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0806	Nguyễn Thu	Phương	02/01/1999	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Giang Biên		Anh
543	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0807	Nguyễn Hồng	Thắm	02/01/1999	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Giang Biên		Anh
544	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0808	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	20/08/1997	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
545	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0809	Ma Tú	Anh	19/05/2002	Nữ		ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	DTTS	Anh
546	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0810	Hoàng Ngọc	Bích	25/10/1996	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		MNN
547	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0811	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	09/12/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
548	1	9 (P413)	08 giờ 30, ngày 16/10/2024	LB0812	Đặng Thanh	Dung	11/11/1999	Nữ	Cửa Đông, Hà Nội	ĐH	TC	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
549	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0813	Đồng Thị Mai	Dương	25/5/2001	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
550	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0814	Nguyễn Khánh	Giang	18/01/2000	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
551	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0815	Đỗ Thị Thu	Hà	10/10/2000	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
552	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0816	Nguyễn Thu	Hà	20/09/1997	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	Ths ĐH	CQ	Văn học nước ngoài Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
553	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0817	Phạm Thị	Hằng	09/09/1995	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
554	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0818	Phạm Thu	Hiền	24/8/2002	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
555	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0819	Nguyễn Huy	Hoàng	23/5/2000	Nam	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
556	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0820	Lê Ngọc	Huyền	13/09/1999	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
557	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0821	Phạm Thị Thu	Hương	01/01/1990	Nữ	Ninh Bình	Ths ĐH	CQ	Văn học; Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	CTB	Anh
558	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0822	Đinh Thảo	Ly	27/09/2002	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
559	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0823	Nguyễn Thị	Nga	15/9/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
560	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0824	Đào Huyền	Nga	07/03/1996	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
561	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0825	Hoàng Hà	Ngân	03/10/1997	Nữ	Thái Nguyên	Ths ĐH	CQ	Ngôn ngữ Việt Nam Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
562	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0826	Đinh Hải	Ngân	22/12/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Trung
563	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0827	Đặng Thúy	Ngân	08/02/1995	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt; Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Trung
564	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0828	Quách Hồng	Ngọc	14/10/2002	Nữ	Yên Bái	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
565	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0829	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	06/3/2002	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
566	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0830	Hoàng Bảo	Nguyên	21/11/1998	Nữ	Lạng Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	DTTS	Anh
567	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0831	Nguyễn Thị Minh	Phú	10/8/1992	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
568	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0832	Phạm Thanh	Phương	28/07/2002	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
569	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0833	Nguyễn Phương	Thảo	21/10/2002	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
570	2	1 (P306)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0834	Lê Thu	Thảo	30/11/2001	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
571	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0835	Kiều Thị	Thơm	05/02/1993	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Cử nhân Văn học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
572	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0836	Nguyễn Thị Ngọc	Thuý	06/6/1998	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
573	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0837	Lê Thị	Thúy	23/03/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
574	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0838	Đinh Thanh	Vân	09/06/2001	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
575	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0839	Trần Hải	Yến	06/6/1994	Nữ	Long Biên, Long Biên	Ths ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn		Anh
576	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0840	Chu Thị Lan	Anh	15/05/1991	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
577	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0841	Bùi Thị Khánh	Huyền	20/10/2000	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên	ĐH	LTCQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
578	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0842	Hoàng Thị	Minh	07/11/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQLT	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
579	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0843	Vũ Bảo	Ngọc	28/03/2001	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
580	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0844	Trần Hương	Nhi	24/10/2000	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
581	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0845	Lê Thu	Phương	05/09/2001	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
582	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0846	Nguyễn Thị Thu	Phương	19/11/1998	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
583	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0847	Lê Thuỷ	Tiên	13/01/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
584	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0848	Nguyễn Hồng	Vân	02/10/1998	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng	Ths ĐH	CQ	Văn học Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Long Biên		Anh
585	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0849	Đặng Lan	Anh	22/11/2002	Nữ	Thuỵ Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lý Thường Kiệt		Anh
586	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0850	Nguyễn Thanh	Huyền	22/4/1998	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lý Thường Kiệt		Anh
587	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0851	Trịnh Thị	Nghĩa	31/5/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lý Thường Kiệt		Anh
588	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0852	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	15/07/1996	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lý Thường Kiệt		Anh
589	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0853	Phạm Hồng	Anh	15/5/2001	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
590	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0854	Nguyễn Yến	Chi	22/8/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn; Quản lý Giáo dục	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
591	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0855	Trần Linh	Chi	26/12/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
592	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0856	Phan Thị Thuỳ	Dung	07/9/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
593	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0857	Lê Hương	Dung	08/5/2000	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
594	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0858	Ninh Thị Ánh	Dương	25/03/2000	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
595	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0859	Vũ Thuỳ	Dương	20/3/1991	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
596	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0860	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	12/08/1999	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
597	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0861	Đỗ Bích	Hạnh	14/10/1995	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
598	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0862	Trương Thị	Hiền	18/10/1984	Nữ	Linh Đàm, Hoàng Mai	Ths ĐH	CQ	Văn học nước ngoài; Sư phạm Ngữ văn; Tiếng Anh	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		MNN
599	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0863	Phạm Thu	Hiền	27/11/2000	Nữ	Quang Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
600	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0864	Tô Thị	Hoa	17/3/1997	Nữ	Hoà Thạch, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
601	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0865	Nguyễn Ngọc	Hoa	26/02/2001	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
602	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0866	Dương Anh	Hoa	29/11/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
603	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0867	Phan Văn	Huấn	13/10/1981	Nam	Bắc Hồng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
604	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0868	Phùng Thị	Lam	11/9/1994	Nữ	Phú Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	DTTS	Anh
605	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0869	Lê Thị	Lệ	12/10/1992	Nữ	Hải Bối, Đông Anh	ĐH	CQ	Văn học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
606	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0870	Lưu Thị Phương	Linh	20/01/1998	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
607	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0871	Vũ Khánh	Linh	24/11/2002	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
608	2	2 (P312)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0872	Vũ Thị	Lý	15/06/1988	Nữ	Tự Lập, Mê Linh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
609	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0873	Nguyễn Thị	Mai	27/11/2002	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
610	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0874	Phạm Thị	Na	12/07/2001	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
611	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0875	Nguyễn Bích	Ngân	08/11/1997	Nữ	Trung Hoà, Cầu Giấy	Ths ĐH	CQ	Ngôn ngữ học Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
612	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0876	Lê Thị Bích	Ngọc	16/02/2001	Nữ	Lào Cai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
613	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0877	Hoàng Mai	Phương	04/12/1997	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn; Ngôn ngữ Anh	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		MNN
614	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0878	Kiều Thị	Tuyền	11/10/1993	Nữ	Đội Bình, Ứng Hoà	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		MNN
615	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0879	Nguyễn Thị	Thảo	17/10/1998	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
616	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0880	Hoàng Thị	Thủy	10/10/2000	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
617	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0881	Lê Anh	Thư	06/9/2002	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
618	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0882	Vũ Thị	Thương	31/07/1999	Nữ	Hải Bối, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy		Anh
619	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0883	Phạm Thị	Hà	10/02/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh
620	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0884	Nguyễn Thị Ngọc	Hoà	07/11/2002	Nữ	Phú Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh
621	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0885	Phan Thị	Hợp	17/3/1990	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh
622	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0886	Nguyễn Lan	Hương	14/11/1987	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn	ĐH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh
623	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0887	Nguyễn Hồng	Nhung	25/10/1999	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
624	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0888	Nguyễn Mạnh	Tuấn	18/8/2001	Nam	Phương Liên, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		MNN
625	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0889	Nguyễn Thanh	Thảo	29/07/2002	Nữ	Phúc La, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh
626	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0890	Đỗ Thu	Thuỷ	22/9/1998	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Đồng		Anh
627	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0891	Ngô Thanh	Hường	07/6/1998	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Lợi		Anh
628	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0892	Dương Thị Ngọc	Quỳnh	09/08/2001	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Phúc Lợi		Anh
629	2	3 (P313)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0893	Nguyễn Thuỳ	Dung	15/9/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Việt Hưng		Anh

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÒNG 1 - KHỐI MẦM NON

(Kèm theo Thông báo số 15/TB-HĐTD ngày 07/10/2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Long Biên)

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
1	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0894	Uông Thị Lâm	Anh	13/10/2002	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
2	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0895	Nguyễn Thị	Đào	13/01/1991	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	TX	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
3	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0896	Lê Hồng	Hạnh	22/10/1985	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
4	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0897	Đào Thị Thuý	Hằng	01/11/1996	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
5	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0898	Vương Thị Thu	Hiền	06/08/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
6	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0899	Bùi Thanh	Hoa	18/12/2001	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	CĐ	CQ	Sư phạm mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
7	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0900	Nguyễn Thị	Hoài	19/01/1991	Nữ	Bắc Ninh	CĐ	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
8	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0901	Lê Thị	Hợp	15/01/1995	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hoà	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
9	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0902	Lê Thị Lam	Huế	27/10/2002	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
10	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0903	Nguyễn Thị	Hương	15/07/1992	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
11	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0904	Đỗ Thị Thuý	Nga	16/07/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh	CTB	Anh
12	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0905	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/11/1988	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
13	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0906	Nguyễn Thị	Nhàn	08/04/1994	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
14	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0907	Nguyễn Thị	Thành	02/03/1990	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Ban Mai Xanh		Anh
15	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0908	Nguyễn Thị Kim	Dung	30/08/1998	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Bắc Cầu		Anh
16	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0909	Nguyễn Thị	Hậu	23/06/1986	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Bắc Cầu		Anh
17	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0910	Lê Thị Thanh	Hà	11/05/1994	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm mầm non	GV	MN	0	Bồ Đề		Anh
18	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0911	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/09/1998	Nữ	Cự Khối, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối		Anh
19	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0912	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	30/11/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên	CĐ	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối		Anh
20	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0913	Đào Thị Thu	Trang	25/10/1990	Nữ	Cự Khối, Long Biên	CĐ	VLVH	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối		Anh
21	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0914	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/5/1996	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Đức Giang		Anh
22	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0915	Hoàng Thị Minh	Giang	11/01/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Quất		Anh
23	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0916	Nguyễn Thị Phương	Hiếu	10/12/1984	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	TX	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Quất	CTB	Anh
24	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0917	Lộc Thị Phương	Thảo	15/01/1989	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Quất	DTTS	Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
25	2	4 (P405)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0918	Ngô Phương	Thảo	02/08/1994	Nữ	Phường Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Quất		Anh
26	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0919	Lê Thị Huyền	Trang	21/9/1993	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Gia Quất		Anh
27	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0920	Trần Thị Phương	Anh	08/6/2002	Nữ	Hải Dương	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Thượng		Anh
28	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0921	Đặng Thị Quỳnh	Anh	29/10/1995	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Thượng		Anh
29	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0922	Nguyễn Thu	Thảo	01/6/1996	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Thượng		Anh
30	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0923	Phạm Thị Huyền	Trang	20/11/1996	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Gia Thượng		Anh
31	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0924	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/12/1990	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Anh Đào		Anh
32	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0925	Nguyễn Diệu	Anh	24/01/2002	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
33	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0926	Bùi Thị Lệ	Ánh	28/11/1989	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	CĐ	CQ	Sư phạm giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
34	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0927	Trần Thị Ngọc	Ánh	10/10/1995	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
35	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0928	Lê Thị Thùy	Dung	03/02/1985	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	CTB, CĐHH	Anh
36	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0929	Nguyễn Thị	Dung	15/03/1986	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
37	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0930	Nguyễn Hương	Giang	17/3/2001	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	CĐ	VHVL	Sư phạm Mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
38	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0931	Vũ Thu	Hà	20/11/2000	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
39	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0932	Đàm Thanh	Hằng	20/11/1995	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
40	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0933	Ngô Thị Minh	Hiền	22/01/1989	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	TX	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
41	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0934	Nguyễn Thu	Huyền	30/01/2000	Nữ	Vân Hà, Đông Anh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
42	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0935	Hoàng Thị Thu	Hường	27/8/1995	Nữ	Giang Biên, Long Biên	CĐ	CQ	Sư phạm mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
43	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0936	Khoàng Thị	Kiều	08/12/1987	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	DTTS	Anh
44	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0937	Nguyễn Phương	Linh	30/7/2001	Nữ	Gia Thuỵ, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
45	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0938	Nguyễn Thị	Nụ	20/02/1989	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
46	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0939	Nguyễn Thị	Nghĩa	27/08/1989	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
47	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0940	Ngô Thị Thanh	Phương	20/7/1982	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	CT	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
48	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0941	Nguyễn Ngọc	Phương	19/8/1995	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
49	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0942	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/6/2000	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
50	2	5 (P406)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0943	Nguyễn Bích	Vân	25/7/1992	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương		Anh
51	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0944	Hoàng Thị	Huệ	27/02/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Mai		Anh
52	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0945	Dương Thị Hoài	Nhật	29/03/2002	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Mai		Anh
53	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0946	Nguyễn Thị	Thu	21/12/1992	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Mai		Anh
54	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0947	Lê Thị	Thắm	20/7/1994	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Phượng		Anh
55	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0948	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/09/1996	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Sen		Anh
56	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0949	Nguyễn Thị Thuý	Anh	16/11/2003	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Sữa		Anh
57	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0950	Đào Quỳnh	Mai	18/3/1994	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Sữa		Anh
58	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0951	Nguyễn Bùi Dạ	Quỳnh	20/12/1996	Nữ	Bắc Giang	CĐ	CQ	Sư phạm Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Sữa		Anh
59	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0952	Bùi Thị	Thủy	10/01/1987	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên		Anh
60	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0953	Phạm Thị Hồng	Hạnh	29/3/1993	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Long Biên A		Anh
61	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0954	Bùi Thị Tú	Anh	25/9/1997	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
62	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0955	Lâm Thúy	Anh	23/11/1993	Nữ	Giang Biên, Long Biên	CĐ	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
63	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0956	Nguyễn Phương	Anh	11/09/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
64	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0957	Nguyễn Hà	Anh	24/01/2003	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
65	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0958	Nguyễn Thúy	Chinh	15/12/2002	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
66	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0959	Ngô Ánh	Dương	26/10/1992	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
67	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0960	Trần Thị Thu	Hà	15/05/1994	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
68	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0961	Nguyễn Thị Hương	Hải	09/01/1996	Nữ	Giang Biên, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
69	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0962	Đào Thị Thu	Hải	17/9/1996	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	LTCQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
70	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0963	Tạ Thị	Hạnh	12/4/1990	Nữ	Trụng Màu, Gia Lâm	CĐ	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
71	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0964	Nguyễn Thị	Hằng	05/05/1994	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
72	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0965	Đỗ Thanh	Hằng	21/09/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
73	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0966	Nguyễn Thu	Hiền	15/9/2001	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non, chương trình Chất lượng cao	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
74	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0967	Phạm Thị	Hồng	31/01/1993	Nữ	Nam Định	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
75	2	6 (P407)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0968	Trần Thị Thu	Huế	29/07/2003	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
76	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0969	Nguyễn Thị	Huệ	26/11/1991	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
77	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0970	Hoàng Thị	Huyền	29/9/1989	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
78	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0971	Nguyễn Thị	Hường	14/6/1996	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
79	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0972	Đỗ Hà	Linh	22/12/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
80	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0973	Nguyễn Thị	Loan	10/9/1997	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
81	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0974	Lê Khánh	Ly	25/12/2002	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
82	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0975	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/10/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
83	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0976	Lê Thanh	Nhài	20/12/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
84	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0977	Tạ Mai	Phương	13/09/2003	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
85	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0978	Nguyễn Thị	Phương	20/01/2003	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
86	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0979	Trần Thị Thúy	Quyên	12/06/1997	Nữ	Nam Định	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
87	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0980	Vũ Thị	Quỳnh	15/11/1990	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	VHVL	Sư phạm mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
88	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0981	Đỗ Phương	Thảo	22/7/2002	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
89	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0982	Nguyễn Thanh	Thuỷ	10/10/1997	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
90	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0983	Bùi Thị	Thương	04/6/1997	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
91	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0984	Nguyễn Thị Kim	Trang	17/12/1993	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
92	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0985	Chu Thị Thu	Trang	17/12/1997	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
93	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0986	Nguyễn Thu	Trang	01/04/1997	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
94	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0987	Phạm Thị Huyền	Trang	01/3/1990	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
95	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0988	Nguyễn Thị	Trang	16/10/1995	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
96	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0989	Nguyễn Thu	Trang	19/6/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	CĐ	LT	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
97	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0990	Lê Thị Tố	Uyên	14/12/2000	Nữ	Quất Động, Thường Tín	CĐ	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
98	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0991	Ngô Thị	Yến	02/02/1990	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
99	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0992	Nguyễn Thị Hải	Yến	24/7/1995	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai		Anh
100	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0993	Khuất Thị Diệu	Linh	06/04/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Sơn Ca		Anh

Số TT	Ca thi	Phòng thi	Ngày, giờ thi	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ngoại ngữ đăng ký dự thi
101	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0994	Lương Thị	Đào	19/10/1991	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
102	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0995	Phạm Thị	Huyền	05/6/1987	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
103	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0996	Trần Thị Thu	Huyền	12/9/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
104	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0997	Nguyễn Thị Lan	Hương	10/06/2000	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
105	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0998	Kiều Thị	Tin	21/7/1991	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
106	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB0999	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	02/8/1999	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
107	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB1000	Nguyễn Thị	Thu	20/07/1996	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
108	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB1001	Nguyễn Thị	Thu	26/07/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non - Quản trị văn phòng	GV	MN	0	Tuổi Hoa		Anh
109	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB1002	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/02/1998	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Tràng An		Anh
110	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB1003	Nguyễn Huyền	Hạnh	10/09/1996	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	CĐ	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Việt Hưng		Anh
111	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB1004	Đỗ Thị Kiều	Oanh	29/10/1991	Nữ	TT Sóc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Việt Hưng		Anh
112	2	9 (P413)	14 giờ 00, ngày 16/10/2024	LB1005	Nguyễn Hồng	Thắm	02/03/2000	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	CĐ	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Việt Hưng		Anh